

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VĨNG TÀU**

Bản án số 35/2023/DSST

Ngày 30-6-2023

“V/v t/c hợp đồng mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VĨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hà.

Bà Bùi Thị Kim Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Đất Đỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Khuê- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2023/TLST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2023. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1967. Có mặt)

Địa chỉ: tổ 10, ấp B, xã H, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

* ***Bị đơn:***

1-/ Bà Dương Thị Mỹ V, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V: Bà Phan Nữ Khanh Linh, ông Phan Đình Bảo Trí- Luật sư, Văn phòng Luật sư Phan Nữ Khanh Linh thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2-/ Ông Mai Anh V1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông V1: Ông Lại Quyết Tiến, sinh năm 1981; Địa chỉ: 577 Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V1: Ông Bùi Đức Quang, Luật sư – Công ty Luật TNHH MTV Thuận Lý thuộc đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/3/2023, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày như sau:* Bà K hành nghề mua bán

lúa và có kinh doanh lò sấy lúa, bà K mua lúa về sấy khô sau đó bán lại cho người có nhu cầu mua về xay thành gạo. Vợ chồng bà V kinh doanh nhà máy xay lúa, có nhu cầu mua lúa và biết bà K có bán lúa nên hai bên cùng giao kết làm ăn với nhau. Kể từ năm 2022 đến ngày 14/3/2023 bà V và ông V1 mua lúa của bà K chưa thanh toán còn nợ là 698.600.000 đồng. Việc giao kết hợp đồng thường thông qua điện thoại để thỏa thuận chủng loại, số lượng, giá cả, sau đó bà V cho người đến chở lúa, các lần giao nhận lúa người nhận đều ký vào sổ theo dõi. Về hình thức thanh toán có khi thanh toán bằng tiền mặt, có khi thanh toán bằng chuyển khoản, nhưng thường thanh toán bằng chuyển khoản là nhiều. Mỗi lần nhận lúa thì không thanh toán hết mà chỉ thanh toán một phần, còn lại cộng dồn kỳ sau rồi thanh toán dạng gói đầu. Trong quá trình làm ăn thì bà K trực tiếp giao dịch mua bán và thanh toán nợ nần với bà V, không giao dịch với ông V1.

Nay, bà K yêu cầu bà V, ông V1 phải thanh toán cho bà K số tiền nợ là 698.600.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

** Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại đơn trình bày ý kiến ghi ngày 21/4/2023 và tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Dương Thị Mỹ V trình bày:* Bà V xác nhận vợ chồng bà V có làm ăn mua lúa của bà K, quá trình làm ăn còn nợ như bà K trình bày. Bà V với ông V1 kết hôn năm 2008, thời điểm đó nhà máy của mẹ chồng là bà Chắc chỉ là nhà máy nhỏ, tới năm năm 2013 giao lại cho vợ chồng bà V quản lý phụ trách việc làm ăn của nhà máy. Ông V1 là người đứng tên nhà máy, bà V là người quản lý đầu vào và đầu ra của khách hàng, mua bán và thanh toán nợ nần với khách hàng, ông V1 không phụ giúp gì trong việc kinh doanh. Khoảng thời gian gần đây bà V về nhà mẹ ruột sống, ông V1 mới bắt đầu quản lý nhà máy. Mọi chi phí sinh hoạt, chi tiêu ăn uống cho gia đình đều dựa vào doanh thu của nhà máy, điều này ông V1 đương nhiên phải biết. Vào cuối năm 2019 đầu năm 2020 vợ chồng đầu tư xây dựng nhà máy mới hiện đại hơn, bỏ hẳn nhà máy cũ, hoạt động đến nay, nhà máy mới nằm ở vị trí khác với nhà máy cũ hoạt động trên đất do cha mẹ chồng đứng tên.

Quá trình làm ăn còn nợ tiền của bà K số tiền 698.600.000 đồng, bà V chấp nhận trả nợ, đây là khoản nợ chung yêu cầu ông V1 cùng có nghĩa vụ với bà V trả nợ cho bà K.

** Tại bản khai ghi ngày 09/5/2023, đơn đề nghị bổ sung lời khai của ông Mai Anh V1; Đơn thay đổi lời trình bày của người đại diện ghi ngày 22/5/2023, biên bản hòa giải và lời trình bày của người đại diện tại phiên tòa thể hiện:* Ông V1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K, vợ chồng ông V1 kết hôn năm 2008, lúc mới cưới vợ chồng cùng làm ăn chung trong việc kinh doanh lúa cùng với mẹ là bà Phạm Thị Chắc. Đến năm 2013 thì bà Chắc giao lại nhà máy xay lúa Tấn Lợi cho vợ chồng ông V1, bà V quản lý kinh doanh tự thu, chi trong nhà máy. Khi giao nhà máy cho vợ chồng ông V1 gồm toàn bộ máy móc thiết bị và vốn lưu động, kho lúa gạo cùng công nợ khách hàng. Khoảng 6-7 năm sau thì vợ chồng ông V1 nâng cấp nhà máy, đặt nhà máy ở vị trí khác, lấy máy móc thiết bị cũ sang và mua thêm một số máy móc, nhà máy đặt trên đất của cha mẹ ông V1, giấy phép kinh doanh do ông V1 đứng tên.

Sau khi được cha mẹ cho nhà máy thì vợ chồng đã thống nhất giao việc làm ăn và quản lý nhà máy cho bà V, ông V1 không trực tiếp tham gia điều hành việc làm ăn do ông V1 không rành về tiền bạc và kinh doanh. Ông V1 chỉ làm tài xế chở lúa gạo và trông coi máy móc, tiền ông V1 thu được giao cho bà V quản lý. Toàn bộ việc sinh hoạt gia đình, chăm lo con và hai vợ chồng đều do bà V tự chi tiêu. Nguồn tiền từ việc làm ăn kinh doanh hằng ngày, ông V1 không am hiểu về kinh doanh và tin tưởng vợ, không quản lý

nên không biết có nợ hay không, số tiền bao nhiêu, bà V là người quản lý và biết số nợ, do bà V không kê khai nợ nên ông V1 không biết. Bà V thừa nhận làm ăn, giao dịch và nợ với bà K thì bà V thanh toán, ông V1 không biết, không chấp nhận có nghĩa vụ cùng vợ bà V trả số nợ. Bởi vì việc giao dịch mua bán lúa giữa bà V với bà K là giao dịch đơn phương, không thông qua ý kiến của ông V1, ông V1 không được biết nguồn tiền trên bà V sử dụng vào mục đích gì.

Nay, bà V bỏ đi về nhà mẹ ruột, không còn chung sống cùng với ông V1, nhà máy không còn kinh phí hoạt động, để duy trì hoạt động giải quyết việc làm cho người lao động tại nhà máy mẹ ông V1 tạm giao cho anh chị trong nhà tiếp quản, thu nhập của ông V1 hiện nay là tiền công do chị em ông V1 trả cho hàng tháng.

Ông V1 không chấp nhận cùng có nghĩa vụ với bà V thanh toán tiền nợ cho bà K.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V: Nợ phát sinh trong giai đoạn hôn nhân, từ nhu cầu thiết yếu cầu gia đình, trách nhiệm liên đới của vợ chồng đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông V1 có trách nhiệm liên đới cùng với bà V trả nợ.

** Ý kiến của viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự, cũng như quan điểm về nội dung vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông V1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà V.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị K khởi kiện bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bà V, ông V1 có hộ khẩu thường trú tại huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông V1 vắng mặt nhưng có mặt người đại diện nên việc xét xử vắng mặt ông V1 phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Chứng cứ do bà K cung cấp là tờ giấy tay loại giấy tập học sinh, ghi nội dung các lần giao dịch mua bán, tiền nợ có thể hiện số tiền còn nợ là 698.600.000đ. Trong quá trình thụ lý vụ kiện, công khai chứng cứ, hòa giải bà Dương Thị Mỹ V thừa nhận quá trình làm ăn, mua bán với bà K và còn nợ bà K số nợ trên. Bị đơn ông Mai Anh V1 cho rằng số nợ phát sinh do giao dịch đơn phương từ bà V, không vì mục đích chung của gia đình là khoản nợ riêng, không chấp nhận nghĩa vụ trả nợ cùng với bà V. Giao dịch dân sự về hình thức pháp luật không bắt buộc phải lập thành văn bản, theo tập quán địa phương chỉ dựa vào chữ tín, chứng cứ do bà K cung cấp không có chữ ký của bà V cũng như ông V1. Nhưng bà V đã thừa nhận mua lúa còn nợ của bà K thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo Điều 440 bộ luật dân sự.

[2] Về trách nhiệm trả nợ: Do giao dịch không lập thành văn bản, không thể hiện ông V1 có tham gia giao dịch hay không, nhưng nội dung giao dịch là mua lúa, nghề nghiệp, công việc chính của gia đình là kinh doanh lúa gạo, có nhà máy gia công xay lúa. Việc mua lúa phục vụ cho công việc làm ăn của gia đình, nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nghĩa vụ phát sinh từ nhu cầu thiết yếu của gia đình, hiện ông V1 với bà V vẫn còn quan hệ vợ chồng nên buộc ông V1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà V trả nợ chung phù hợp Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về án phí: Bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 31.584.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng). Bà K không phải chịu án phí .

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 116, 119, 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 trả nợ mua lúa số tiền là 698.600.000 đồng.

Buộc bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị K số tiền nợ là 698.600.000 đồng (Sáu trăm chín mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2 - Về án phí: Bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 phải chịu 31.584.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.972.000đ (Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010187 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

3 - Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/6/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến